Chi tiết mã HS 8467.11.00

Mã HS	8467.11.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ cầm tay, hoạt động bằng khí nén, thủy lực hoặc có gắn động cơ dùng điện hoặc không dùng điện / - Hoạt động bằng khí nén: / - - Dạng quay (kể cả dạng kết hợp chuyển động quay và chuyển động va đập)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 23:03:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84671100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14279
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14279
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14279
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13618
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13559
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13559
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13559
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13559
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13559
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13559
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13613
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13613

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13613
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13613
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13613
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13613
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13614
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13614
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13614
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13614
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13614
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13614
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13617
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13565
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13573
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13573
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13573
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13573
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13573
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13573
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13604
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13604
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13604
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13604
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13604
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13604
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13653
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13653

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13653
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13653
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13653
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13653
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13636
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13636
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13636
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13636
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13636
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13636
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13636
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13636
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13636
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13636
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13636
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13636
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13651
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13651
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13651
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13651
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13651
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13651
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13650
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13650
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13650
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13650

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13650
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13650
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13630
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13630
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13630
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13630
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13630
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13630
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13630
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13638
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13638
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13638
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13638
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13638
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13638
RCEP B	2022	2022	0	B!D13638
RCEP B	2023	2023	0	B!E13638
RCEP B	2024	2024	0	B!F13638
RCEP B	2025	2025	0	B!G13638
RCEP B	2026	2026	0	B!H13638
RCEP B	2027	2027	0	B!I13638
RCEP C	2022	2022	0	C!D13638
RCEP C	2023	2023	0	C!E13638
RCEP C	2024	2024	0	C!F13638
RCEP C	2025	2025	0	C!G13638
RCEP C	2026	2026	0	C!H13638

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13638
RCEP D	2022	2022	0	D!D13637
RCEP D	2023	2023	0	D!E13637
RCEP D	2024	2024	0	D!F13637
RCEP D	2025	2025	0	D!G13637
RCEP D	2026	2026	0	D!H13637
RCEP D	2027	2027	0	D!I13637
RCEP E	2022	2022	0	E!D13641
RCEP E	2023	2023	0	E!E13641
RCEP E	2024	2024	0	E!F13641
RCEP E	2025	2025	0	E!G13641
RCEP E	2026	2026	0	E!H13641
RCEP E	2027	2027	0	E!I13641
RCEP F	2022	2022	0	F!D13638
RCEP F	2023	2023	0	F!E13638
RCEP F	2024	2024	0	F!F13638
RCEP F	2025	2025	0	F!G13638
RCEP F	2026	2026	0	F!H13638
RCEP F	2027	2027	0	F!I13638
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12658
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12658
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12658
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12658

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8467.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8467.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14279), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.